TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 - ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 03 - 4 - 2026
V/v Kiện không công nhận vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - ĐẮK LĂK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Văn Long.

- Thư ký phiên toà: ông Phan Việt Tiệp – Thẩm tra viên Toà án nhân dân khu vực 9 – Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Y Đum KPă – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2026, tại Phòng xử án - Toà án nhân dân khu vực 9 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục rút gọn đới với vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 49/2026/TLST – HN&GĐ, ngày 10 tháng 3 năm 2026 về việc "Kiện không công nhận là vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2026/QĐXX-ST ngày 25/3/2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1969, CCCD 051169003177.

Trú tại: Thôn D, xã E, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Bị đơn: Ông Lê Hoài Đ, sinh năm 1965; CCCD 051065010184.

Trú tại: Thôn D, xã E, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 26/02/2026 và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M, trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị M và ông Lê Hoài Đ chung sống với nhau năm 1987, tuy là tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình sống chung, hai người xảy ra nhiều mâu thuẫn, thời gian gần đây mâu thuẫn trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống với nhau nữa nên bà M khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết không công nhận bà và ông Lê Hoài Đ là vợ chồng.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị M và ông Lê Hoài Đ có 04 con chung là Lê Hoài S, sinh năm 1988; Lê Thị Hoài C, sinh năm 1992; Lê Hoài S1, sinh năm 1991; Lê Hoài H, sinh năm 1994 hiện tại các con đều đã lớn và có gia đình riêng nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản, nợ: Bà Nguyễn Thị M và ông Lê Hoài T thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

**** Bị đơn ông Lê Hoài Đ, trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Hoài Đ và bà Nguyễn Thị M sống chung với nhau năm 1987 nhưng không đăng ký kết hôn, quá trình sống chung cũng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng, nhưng ông Đ không muốn ly hôn, tuy nhiên nếu bà M kiên quyết yêu cầu thì ông chấp nhận và đề nghị Toà án giải quyết vụ kiện theo định của pháp luật.

- Về con chung: Ông Đ và bà M có 04 con chung là Lê Hoài S, sinh năm 1988; Lê Thị Hoài C, sinh năm 1992; Lê Hoài S1, sinh năm 1991; Lê Hoài H, sinh năm 1994 hiện tại các con đều đã lớn và có gia đình riêng nên ông Đ cũng không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản, nợ: Ông Đ và bà M tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Các tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án:

- Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm: Đơn khởi kiện; CCCD của ông Lê Hoài Đ, bà Nguyễn Thị M, anh Lê Hoài S; Giấy khai sinh Lê Hoài S1, Lê Thị Hoài C và chị Lê Hoài H (phô tô).

- Tài liệu chứng cứ, do Tòa án thu thập: Bản tự khai của ông Lê Hoài Đ và bà Nguyễn Thị M.

- Tài liệu chứng cứ do bị đơn cung cấp: không.

*Ý kiến của kiểm sát viên:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của HĐXX và nguyên đơn, đều tuân thủ đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án; xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Việc áp dụng thủ tục rút gọn đúng quy định. Về thời hạn xét xử: đảm bảo đúng thời hạn quy định.

- Về nội dung: Bà Nguyễn Thị M và ông Lê Thành Đ1 sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn, nên yêu cầu không công nhận vợ chồng của bà Nguyễn Thị M là có căn cứ, đề nghị Toà án chấp nhận toàn bộ đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận bà Nguyễn Thị M và ông Lê Hoài Đ là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự; quan hệ pháp luật là "Kiện yêu cầu không công nhận là vợ chồng"; Toà án giải quyết vụ kiện theo thủ tục rút gọn đảm bảo đúng quy định theo Điều 317 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M và ông Lê Hoài Đ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1987, việc chung sống là tự nguyện. Mặc dù có đủ điều

kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, nhưng không tiến hành đăng ký kết hôn tại UBND cấp có thẩm quyền, nên không phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Qúa trình chung sống, phát sinh nhiều mâu thuẫn, nên bà Nguyễn Thị M khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận bà với ông Lê Hoài Đ là vợ chồng.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M là có căn cứ phù hợp với Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân & gia đình, nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Trong thời kỳ chung sống với nhau, bà Nguyễn Thị M và ông Lê Hoài Đ có 04 con chung là Lê Hoài S, sinh năm 1988; Lê Thị Hoài C, sinh năm 1992; Lê Hoài S1, sinh năm 1991; Lê Hoài H, sinh năm 1994 hiện tại các con đều đã lớn và có gia đình riêng nên các đương sự không yêu cầu giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ: Bà Nguyễn Thị M và ông Lê Hoài Đ tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39; khoản 4 Điều 147; Điều 317; 320; 321; 322 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị M với ông Lê Hoài Đ.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị M và ông Lê Hoài Đ, có 04 con chung là Lê Hoài S, sinh năm 1988; Lê Thị Hoài C, sinh năm 1992; Lê Hoài S1, sinh năm 1991; Lê Hoài H, sinh năm 1994 các con đều đã trên 18 tuổi, các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ: Bà Nguyễn Thị M và ông Lê Hoài Đ tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết, nên không xem xét.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0002185 ngày 05/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

- Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Đăk Lăk;
- Viện KSND khu vực 9;
- Phòng THADS khu vực 9;
- Các đương sự;
- UBND xã Ea Drăng;

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Văn Long

- Lưu hồ sơ.